TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:49/2024/DS - ST
Ngày 04 tháng 7 năm 2024
V/v Tranh chấp di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc
Bà Hoàng Thị Thoan

Ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Xuân Thuỷ – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm dân sự thụ lý số 33/2024/TLST- DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp di sản thừa kế. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 153/2024/QĐ – ST ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt (Văn bản uỷ quyền ngày 25/4/2024).

- *Bị đơn:* Cụ Trương Thị T, sinh năm 1939

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của cụ T: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt (Văn bản uỷ quyền ngày 25/4/2024).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Viết H đã chết năm 2017.

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1985; có mặt

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1987; vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1988; có mặt

+ Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1991; vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1995; vắng mặt

Cùng đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (riêng ông Nguyễn Văn H1 đang lao động tại Đài Loan).

Người đại diện theo ủy quyền của bà N và ông H1: Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt (Văn bản uỷ quyền ngày 25/4/2024 và 15/4/2024).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt (Văn bản uỷ quyền ngày 25/4/2024).

2. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn H2 đã chết năm 2017.

+ Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1993

+ Bà Nguyễn Thị X1, sinh năm 1996

+ Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 2003.

Cùng đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; chị X, chị X1 và chị H4 đều vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Hồng T2, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

4. Chị Mai Thị T3, sinh năm 2004

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Nguyễn Trọng Đ và người đại diện theo uỷ quyền của ông Đ (viết tắt là nguyên đơn) trình bày: Bố mẹ nguyên đơn là cụ ông Nguyễn Xuân K1, chết năm 2019 và cụ bà Trương Thị T; hai cụ là bố mẹ của ông Nguyễn Viết H (ông H chết năm 2017 có vợ là bà Nguyễn Thị D1 và 5 người con là bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị T1); ông Nguyễn Văn H2 (ông H2 chết năm 2017 có vợ là bà Phạm Thị Bích L1 và 3 con là bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X1 và bà Nguyễn Thị H3); bà Nguyễn Hồng T2; ông Nguyễn Trọng Đ và bà Nguyễn Thị H5 (chết khi chưa có gia đình). Cụ K1 không có con riêng, không nuôi con nuôi; tài sản của cụ K1, cụ T có 613,2m^2 đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số CN 511321 ngày 27/12/2018 tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 3 xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Ninh. Ngày 04/6/2018 bố mẹ của nguyên đơn có lập di chúc để lại toàn bộ di sản là quyền sử

dụng đất cho ba cháu trai là Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn T4 (con trai nguyên đơn) và cháu Nguyễn Văn H1 (con trai ông Nguyễn Viết H). Sau khi bố nguyên đơn chết các đồng thừa kế không thống nhất được việc chia di sản thừa kế, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án xem xét tính hiệu lực của di chúc nếu di chúc không hợp pháp thì đề nghị Toà án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật và nguyên đơn xin nhận di sản thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

Tại biên bản ghi lời khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa cụ Trương Thị T và người đại diện theo uỷ quyền của cụ T (viết tắt là bị đơn) trình bày: Bị đơn nhất trí với trình bày của nguyên đơn về tên, năm chết, số con và di sản thừa kế của cụ K1 để lại trong khối tài sản chung với bị đơn. Lúc chồng bị đơn còn sống hai vợ chồng có lập di chúc để lại toàn bộ thửa đất (chia thửa đất thành 3 phần bằng nhau) cho ba đứa cháu trai là Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn T4 (con của nguyên đơn) và cháu Nguyễn Văn H1 (con ông Nguyễn Văn H6). Sau khi cụ K1 chết các con của hai cụ không thỏa thuận việc chia thừa kế theo di chúc, nay nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu Tòa án xem xét tính hợp pháp của di chúc hai cụ đã lập, nếu không được chấp nhận thì bị đơn đề nghị chia thừa kế theo quy định của pháp luật; bị đơn nay đã già nên có nguyện vọng giao toàn bộ quyền sử dụng đất kể cả toàn bộ diện tích đất nguyên đơn được chia trong khối tài sản chung với cụ K1 cho con trai là nguyên đơn trong vụ án và cháu Nguyễn Văn H1.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/5/2024 bà Nguyễn Hồng T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày: Bà con đẻ của cụ ông Nguyễn Xuân K1 và cụ bà Trương Thị T, bố mẹ bà sinh được 05 người con, gồm: Ông Nguyễn Viết H (ông H chết năm 2017 có vợ là bà Nguyễn Thị D1 và 5 người con là bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị T1); ông Nguyễn Văn H2 (ông H2 chết năm 2017 có vợ là bà Phạm Thị Bích L1 và 3 con là bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X1 và bà Nguyễn Thị H3); ông Nguyễn Trọng Đ, bà Nguyễn Thị H5 (chết khi chưa có gia đình) và bà. Cụ K1 không có con riêng, không nuôi con nuôi. Tài sản của cụ K1, cụ T có 613,2m^2 đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số CN 511321 ngày 27/12/2018 tại thửa đất số 40, Tờ bản đồ số 3 xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Ninh. Lúc còn sống bố mẹ bà có lập di chúc để lại toàn bộ di sản là quyền sử dụng đất cho ba cháu trai là Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn T4 (con ông Đ) và cháu Nguyễn Văn H1 (con ông H). Được sự nhất trí của gia đình cháu H1 đã xây dựng nhà ở trên phần đất của bố mẹ, nay bà đề nghị chia diện tích đất đã làm nhà ở cho cháu H1 và di sản thừa kế của cụ K1 bà đề nghị chia theo pháp luật và bà xin nhận kỷ phần thừa kế của mình bằng giá trị.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/5/2024, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị D và người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị N và Nguyễn Văn H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày: Các ông bà là con trai của ông Nguyễn Viết H đã chết năm 2017 (ông H là con đẻ của cụ K1, cụ T), các ông bà nhất trí với các trình bày của nguyên đơn về năm chết, số con và di sản thừa kế của cụ ông Nguyễn Xuân K1. Lúc còn sống cụ K1 cùng cụ T có lập di chúc để lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất cho 03 cháu trai. Được sự nhất trí của cụ T và các đồng thừa kế của cụ K1 nên năm 2022 ông Nguyễn Văn H1 là một trong bà cháu trai của hai cụ đã xây dựng nhà ở trên 1/3 diện tích đất của hai cụ, nay các ông bà đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận theo di chúc của cụ K1, cụ T đã lập, nếu không thực hiện được theo di chúc thì chia theo quy định của pháp luật các ông bà nhất trí nhường kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho ông Nguyễn Văn H1.

Bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị X1 và Nguyễn Thị H3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến bằng văn bản và không tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn, những người có quyền lợi liên quan vụ án giữ nguyên ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn để chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Xuân K1 theo quy định của pháp luật. Buộc những người được chia di sản thừa kế phải chịu chi phí tố tụng; bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí vụ kiện, các đồng thừa kế khác phải chịu án phí theo quy định.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế, trong vụ án này có người có quyền lợi liên quan vụ án Nguyễn Văn H1 đang lao động tại nước ngoài, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2] Ông Nguyễn Văn H1 đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) nhưng đã có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị D1 (bà D1 là mẹ đẻ ông H1) Văn bản ủy quyền này được Văn phòng kinh tế, Văn hóa Việt Nam tại Đ chứng nhận, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nguyên đơn xác định bà Nguyễn Thị L (bà L là vợ ông Nguyễn Trọng Đ) là người khởi kiện và bà Nguyễn Thị D1 (bà D1 là vợ ông H đã chết năm 2017); bà Phạm Thị Bích L1 (bà L1 là vợ ông H2 đã chết năm 2017) tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án là không đúng. Bởi lẽ, ông Đ là người được hưởng thừa kế di sản của cụ K1 để lại, còn ông H và ông H2 cùng chết năm 2017, trước khi cụ Nguyễn Xuân K1 chết nên các con của ông H và ông H2 là những người được thừa kế thế vị; do đó bà L, bà D1 và bà L1 không liên quan đến việc chia di sản thừa kế của cụ ông Nguyễn Xuân K1.

[4] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi liên quan vụ án bà Nguyễn Hồng T2, bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị X1 và Nguyễn Thị H3 nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[5] Các đồng thừa kế cụ Nguyễn Xuân K1 và cụ bà Trương Thị T thừa nhận hai cụ là bố mẹ của ông Nguyễn Viết H (ông H chết năm 2017 có vợ là bà Nguyễn Thị D1 và 5 người con là bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị T1); ông Nguyễn Văn H2 (ông H2 chết năm 2017 có vợ là bà Phạm Thị Bích L1 và 3 con là bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X1 và bà Nguyễn Thị H3); bà Nguyễn Hồng T2; ông Nguyễn Trọng Đ và bà Nguyễn Thị H5 (chết khi chưa có gia đình).

[6] Cụ K1 không có con riêng, không nuôi con nuôi; tài sản của cụ K1, cụ T có 613,2m^2 đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp GCNQSDĐ số CN 511321 ngày 27/12/2018 tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 3 xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Ninh.

[7] Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa cụ T và các đồng thừa kế của cụ K1 thừa nhận ngày 04/6/2018 cụ K1, cụ T có lập di chúc để lại toàn bộ di sản là quyền sử dụng đất cho ba cháu trai là Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn T4 (con trai nguyên đơn) và cháu Nguyễn Văn H1 (con trai ông Nguyễn Viết H) nên đề nghị xem xét tính hợp pháp của di chúc thấy: Di chúc do cụ K1 và cụ T cùng lập ngày 04/6/2018, tuy nhiện, hiện nay cụ T đang còn sống; theo quy định tại Điều 611 và khoản 1 Điều 643 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Di chúc này chưa có hiệu lực thi hành.

[8] Mặt khác, di chúc do cụ K1, cụ T lập ngày 04/6/2018 không có người làm chứng, không chứng thực, công chứng nhưng không phải do cụ K1 tự viết và không thực hiện đúng các quy định tại Điều 631 và Điều 633 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[9] Từ phân tích tại mục [6] và [7], căn cứ khoản 4 Điều 630 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì di chúc do cụ K1, cụ T lập ngày 04/6/2018 không hợp pháp. Tại phiên tòa cụ T và các đồng thừa kế của cụ K1 cũng thừa nhận di chúc cụ K1, cụ T lập năm 2018 không hợp pháp và đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ K1 theo quy định của pháp luật.

[10] Căn cứ khoản 1 Điều 651, Điều 652 và phân tích tại mục [4] và [5] thì những người sau được hưởng di sản thừa kế của cụ K1, gồm: Cụ bà Trương Thị T, nguyên đơn, bà Nguyễn Hồng T2, ông Nguyễn Viết H (ông H chết năm 2017 nên các con của ông H được thừa kế thế vị, gồm: Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị T1); ông Nguyễn Văn H2 (ông H2 chết năm 2017 nên các con của ông H được thừa kế thế vị, gồm: Bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X1 và bà Nguyễn Thị H3).

[11] Bị đơn và các đồng thừa kế của cụ K1 thừa nhận di sản thừa kê của cụ K1 trong khối tài sản chung với bị đơn có 613,2m^2 đất (200m^2 đất ở và 413,2m^2 đất trồng cây hàng năm khác) tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 3 xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Ninh. Như vậy, di sản thừa kế của cụ K1 có ½ trong tổng số tài sản chung với bị đơn là 613,2m^2 đất : 2 = 306,6m^2 đất (100m^2 đất ở và 206,6m^2 đất trồng cây hàng năm khác); theo kết quả định giá ngày 09/5/2024 thì đất ở có giá 1.630.000 đồng/m^2, đất trồng cây hàng năm có giá 815.000 đồng/m^2. Như vậy di sản thừa kế của cụ K1 có trị giá 331.379.000 đồng (đất ở là 163.000.000 đồng, đất trồng cây hàng năm có giá 168.379.000 đồng).

[12] Như phân tích tại mục [9] và mục [10] thì di sản thừa kế của cụ K1 được chia như sau: 306,6m^2 đất (100m^2 đất ở và 206,6m^2 đất trồng cây hàng năm khác) : 5 = 61,32m^2 đất (20m^2 đất ở và 41,32m^2 đất trồng cây hàng năm khác), mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng 61,32m^2 đất, trị giá 66.275.800 đồng. Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa các đồng thừa kế của ông H từ chối nhận di sản thừa kế của ông H và nhường kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Văn H1 hưởng nên Hội đồng xét xử chấp nhận; cụ bà Trương Thị T nhường kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho ông Nguyễn Trọng Đ và cháu Nguyễn Văn H1 mỗi người ½ di sản thừa kế cụ được hưởng nên chấp nhận sự tự nguyện này. Cụ bà Trương Thị T nhất trí giao một phần diện tích đất cho ông Nguyễn Trọng Đ và cháu Nguyễn Văn H1 phần diện tích đất của mình được chia đủ diện tích đất để làm nhà ở (chia thửa đất là tài sản của cụ K1, cụ T làm ba phần có diện tích đất bằng nhau) việc cụ T tự nguyện giao một phần diện tích đất của mình cho ông Đ và ông H1 là tự nguyện nên chấp nhận.

[13] Hiện tại ông Nguyễn Văn H1 đã làm nhà trên diện tích 207,3m^2 đất (Ông H1 làm nhà được sự đồng ý của cụ T và các đồng thừa kế của cụ K1) nên giao diện tích đất này cho ông H1, cụ thể diện tích đất ông H1 được giao 207,7m^2 đất (65m^2 đất ở và 142,7m^2 đất trồng cây hàng năm khác), trị giá thửa đất 222.250.500 đồng. Thửa đất ông H1 được giao tại các điểm 3, 4, 5 và 6 trên sơ đồ, trong đó từ điểm 3 đến điểm 4 giáp đường giao thông dài 6,36 mét; từ điểm 4 đến điểm 5 giáp thửa đất số 41 dài 32,99 mét; từ điểm 5 đến điểm 6 giáp đường giao thông dài 6,21 mét; từ điểm 6 đến điểm 3 giáp diện tích đất chia cho cụ T dài 33,16 mét; nhưng ông Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X1 và bà Nguyễn Thị H3 mỗi người 22.091.933 đồng

(làm tròn 22.092.000 đồng), trả cho cụ T 89.698.900 đồng giá trị diện tích đất của cụ T, nhưng như phân tích tại mục [11] thì cụ T tặng cho ông H1 ½ di sản thừa kế cụ T được hưởng từ cụ K1 (33.138.000 đồng), do đó ông H1 còn phải trả cho cụ T 56.560.900 đồng.

[14] Ông Nguyễn Trọng Đ được giao 203,3m^2 đất (65m^2 đất ở và 138,3m^2 đất trồng cây hàng năm khác), trị giá thửa đất 218.664.500 đồng. Thửa đất ông Đ được giao tại các điểm 1, 2, 7 và 8 trên sơ đồ, trong đó từ điểm 1 đến điểm 2 giáp đường giao thông dài 6,08 mét; từ điểm 2 đến điểm 7 giáp diện tích đất chia cho cụ T dài 33,31 mét; từ điểm 7 đến điểm 8 giáp đường giao thông dài 6,09 mét và từ điểm 8 đến điểm 1 giáp thửa đất 130 và 45 dài 32,92 mét; nhưng ông Nguyễn Trọng Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Hồng T2 66.275.800 đồng, trả cho cụ T 86.112.900 đồng giá trị diện tích đất của cụ T, nhưng như phân tích tại mục [11] thì cụ T tặng cho ông Đ ½ di sản thừa kế cụ T được hưởng từ cụ K1 (33.138.000 đồng), do đó ông Đ còn phải trả cho cụ T 52.974.900 đồng.

[15] Cụ bà Trương Thị T được chia 202,2m^2 đất (70m^2 đất ở và 132,2m^2 đất trồng cây hàng năm khác), trị giá thửa đất 221.843.000 đồng. Thửa đất cụ T được giao tại các điểm 2, 3, 6 và 7 trên sơ đồ, trong đó từ điểm 2 đến điểm 3 giáp đường giao thông dài 6,08 mét; từ điểm 3 đến điểm 6 giáp thửa đất chia cho ông H1 dài 33,16 mét; từ điểm 6 đến điểm 7 giáp đường giao thông dài 6,09 mét; từ điểm 7 đến điểm 2 giáp diện tích đất chia cho ông Đ dài 33,31 mét. Cụ T được nhận tại ông Nguyễn Trọng Đ 55.746.000 đồng và ông Nguyễn Văn H1 56.234.900 đồng giá trị về diện tích đất

[16] Bà Nguyễn Hồng T2 được nhận tại ông Nguyễn Trọng Đ 66.275.800 đồng; bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X1 và bà Nguyễn Thị H3 mỗi người được nhận tại ông Nguyễn Văn H1 22.091.933 đồng (làm tròn 22.092.000 đồng).

[17] Theo yêu cầu của nguyên đơn Toà án thành lập Hội đồng thẩm định, định giá tài sản có tranh chấp, chi phí tố tụng hết 6.000.000 đồng, do khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc mỗi đồng thừa kế phải chịu 1.200.000 đồng; do nguyên đơn đã nộp đủ số tiền chi phí tố tụng nên buộc cụ T, ông H1, bà T2 mỗi người phải trả lại cho nguyên đơn 1.200.000 đồng; bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X1 và bà Nguyễn Thị H3 mỗi người phải trả cho nguyên đơn 400.000 đồng.

[18] Bị đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí vụ kiện; nguyên đơn, ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Hồng T2 mỗi người phải chịu 3.314.000 án phí dân sự sơ thẩm; bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X1 và bà Nguyễn Thị H3 mỗi người phải chịu 1.105.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 611, Điều 631, Điều 633, khoản 4 Điều 630, khoản 1 Điều 643, khoản 1 Điều 651, Điều 652 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

1. Chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Trọng Đ về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ ông Nguyễn Xuân K1 tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 3 xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

2. Ông Nguyễn Trọng Đ được quản lý, sử dụng 203,3m^2 đất (65m^2 đất ở và 138,3m^2 đất trồng cây hàng năm khác), trị giá thửa đất 218.664.500 đồng. Thửa đất ông Đ được chia tại các điểm điểm 1, 2, 7 và 8 trên sơ đồ; trong đó từ điểm 1 đến điểm 2 giáp đường giao thông dài 6,08 mét; từ điểm 2 đến điểm 7 giáp diện tích đất chia cho cụ T dài 33,31 mét; từ điểm 7 đến điểm 8 giáp đường giao thông dài 6,09 mét và từ điểm 8 đến điểm 1 giáp thửa đất 130 và 45 dài 32,92 mét. Nhưng ông Nguyễn Trọng Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Hồng T2 66.275.800 đồng, trả cho cụ Trương Thị T 52.974.900 đồng.

3. Ông Nguyễn Văn H1 được quản lý, sử dụng 207,7m^2 đất (65m^2 đất ở và 142,7m^2 đất trồng cây hàng năm khác), trị giá thửa đất đươc chia 222.250.500 đồng. Thửa đất ông H1 được chia tại các điểm 3, 4, 5 và 6 trên sơ đồ, trong đó từ điểm 3 đến điểm 4 giáp đường giao thông dài 6,36 mét; từ điểm 4 đến điểm 5 giáp thửa đất số 41 dài 32,99 mét; từ điểm 5 đến điểm 6 giáp đường giao thông dài 6,21 mét; từ điểm 6 đến điểm 3 giáp diện tích đất chia cho cụ T dài 33,16 mét; nhưng ông Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X1 và bà Nguyễn Thị H3 mỗi người 22.091.933 đồng (làm tròn 22.092.000 đồng), trả cho cụ Trương Thị T 56.560.900 đồng.

4. Cụ bà Trương Thị T được chia 202,2m^2 đất (70m^2 đất ở và 132,2m^2 đất trồng cây hàng năm khác), trị giá thửa đất được chia 221.843.000 đồng. Thửa đất cụ T được giao tại các điểm 2, 3, 6 và 7 trên sơ đồ, trong đó từ điểm 2 đến điểm 3 giáp đường giao thông dài 6,08 mét; từ điểm 3 đến điểm 6 giáp thửa đất chia cho ông H1 dài 33,16 mét; từ điểm 6 đến điểm 7 giáp đường giao thông dài 6,09 mét; từ điểm 7 đến điểm 2 giáp diện tích đất chia cho ông Đ dài 33,31 mét. Cụ T được nhận tại ông Nguyễn Trọng Đ 52.974.900 đồng và ông Nguyễn Văn H1 56.560.900 đồng (Có sơ đồ thửa đất kèm theo bản án).

5. Bà Nguyễn Hồng T2 được nhận tại ông Nguyễn Trọng Đ 66.275.800 đồng; bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X1 và bà Nguyễn Thị H3 mỗi người được nhận tại ông Nguyễn Văn H1 22.091.933 đồng (làm tròn 22.092.000 đồng).

6. Buộc cụ bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Hồng T2 mỗi người phải trả lại cho ông Nguyễn Trọng Đ 1.200.000 đồng chi phí tố tụng; bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X1 và bà Nguyễn Thị H3 mỗi người phải trả cho ông Nguyễn Trọng Đ 400.000 đồng chi phí tố tụng.

7. Cụ bà Trương Thị T là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Hồng T2 mỗi người phải chịu 3.314.000 án phí dân sự sơ thẩm; bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X1 và bà Nguyễn Thị H3 mỗi người phải chịu 1.105.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Trọng Đ phải chịu 3.314.000 án phí dân sự sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0004864 ngày 04/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình; ông Đ còn phải nộp 3.014.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tuyên bố, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các đương sự có mặt tại phiên toà biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/7/2024. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- CTHADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa